

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXVI

Phẩm 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 6

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ chín? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh vi diệu Đại Niết-bàn, trước tiên phát khởi năm việc đều được thành tựu. Những gì là năm? Một là tín tâm, hai là trực tâm, ba là giới, bốn là gần gũi bạn lành, năm là học rộng.

Thế nào là tín tâm? Đại Bồ-tát tin vào sự bố thí Tam bảo có quả báo. Tin vào con đường Nhất thừa Nhị đế không có đường nào khác, nhưng vì muốn chúng sinh mau chứng đắc giải thoát nên chư Phật, Bồ-tát phân biệt làm ba thừa. Tin đệ nhất nghĩa đế, tin phương tiện thiện xảo. Đó gọi là tin. Người có lòng tin như vậy thì hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên, Ma, Phạm, tất cả chúng sinh không thể phá hoại được. Do đức tin này nên được tánh Thánh nhân. Người này tu hành bố thí nhiều hay ít, đều được gần với Đại Niết-bàn, không rơi vào sinh tử; trì giới, đa văn, trí tuệ cũng như vậy. Đó gọi là tín tâm. Tuy có tín tâm nhưng lại không chấp thủ thì gọi là Bồ-tát tu tập Đại Niết-bàn, thành tựu việc đầu tiên.

Thế nào là trực tâm? Đại Bồ-tát đối với chúng sinh có tâm chân chất, ngay thẳng. Tất cả chúng sinh nếu gặp nhân duyên thì sinh tâm nịnh hót, tà vạy. Bồ-tát không như thế. Vì sao? Vì hiểu rõ các pháp đều là nhân duyên. Đại Bồ-tát tuy thấy chúng sinh có nhiều lỗi lầm nhưng hoàn toàn không nói. Vì sao? Vì sợ sinh phiền não, nếu sinh phiền não thì rơi vào đường ác. Bồ-tát nếu thấy chúng sinh có chút ít điều lành thì khen ngợi. Thế nào là điều lành? Đó là

Phật tánh. Do Bồ-tát khen ngợi Phật tánh nên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, Đại Bồ-tát khen ngợi Phật tánh khiến cho vô lượng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì Như Lai khi mới khai kinh Niết-bàn nói có ba hạng: Một là nếu có người bệnh gặp được thầy thuốc giỏi, thuốc hay và người chăm sóc thì người bệnh dễ được lành mạnh, nếu không được như trên thì bệnh không thể lành. Hai là nếu gặp được hay không gặp được thì đều không thể lành bệnh. Ba là nếu gặp được hay không gặp được đều có thể lành bệnh. Tất cả chúng sinh cũng có ba hạng như vậy: Một là gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát, nghe thuyết giảng pháp vi diệu thì được phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu không gặp thì không thể phát. Đó là các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi. Hai là tuy gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát, nghe thuyết giảng pháp vi diệu nhưng cũng không thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu không gặp thì cũng không thể phát. Đó là hạng Nhất-xiển-đề. Ba là nếu gặp hay không gặp tất cả đều có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là hàng Bồ-tát. Nếu gặp hay không gặp đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nay tại sao Đức Như Lai nói, do khen ngợi Phật tánh nên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch Thế Tôn! Nếu gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát, nghe giảng nói pháp vi diệu và không gặp v.v... đều không thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nên biết, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì hạng người này sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hạng Nhất-xiển-đề vì có Phật tánh nên hoặc nghe hay không nghe cũng sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói Nhất-xiển-đề nghĩa là dứt bỏ thiện căn, nghĩa như vậy cũng không đúng. Vì sao? Vì hạng này không dứt bỏ Phật tánh. Phật tánh như vậy lý không thể dứt bỏ thì sao Phật nói là dứt bỏ thiện căn? Như ngày trước Phật giảng nói Mười hai bộ loại kinh văn, có hai thứ

kinh thiện căn: Một là thường, hai là vô thường. Thiện căn là thường thì không dứt, vô thường là dứt. Vì thiện căn vô thường có thể dứt nên rơi vào địa ngục, còn thiện căn thường không thể dứt thì sao Phật không ngăn cản? Không dứt bỏ Phật tánh thì chẳng phải là Nhất-xiển-đề, sao Phật lại nói Nhất-xiển-đề? Bạch Thế Tôn! Nếu nhân Phật tánh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sao Như Lai lại vì chúng sinh thuyết giảng rộng mười hai bộ loại kinh văn? Bạch Thế Tôn! Ví như bốn con sông từ ao A-na-bà-đạp-đa chảy ra. Nếu có trời, người, chư Phật, Thế Tôn nói rằng những con sông ấy không chảy vào biển cả sẽ trở lại nguồn thì đó là điều không có. Tâm Bồ-đề cũng như vậy, người có Phật tánh không luận là nghe pháp hay không nghe pháp, có trì giới hay không trì giới, có bố thí hay không bố thí, có tu hay không tu, có trí tuệ hay không trí tuệ, đáng lẽ tất cả đều chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Như từ núi Ưu-đà-diên, mặt trời mọc lên hướng chánh Nam, nếu mặt trời nghĩ rằng, ta không đến hướng Tây mà trở lại hướng Đông thì đó là điều không có. Phật tánh cũng vậy, nếu không nghe, không trì giới, không bố thí, không tu tập, không trí tuệ mà không thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đó là điều không có.

Bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai nói tánh nhân quả chẳng phải có, chẳng phải không, nghĩa này cũng không đúng. Vì sao? Vì như trong sữa không có tánh của sữa đặc thì không có sữa đặc, như hạt Ni-câu-đà không có tánh năm trượng thì không thể sinh cây năm trượng. Nếu trong Phật tánh không có cây Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sao có thể sinh cây Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên nói là nhân quả chẳng phải có, chẳng phải không thì nghĩa như vậy làm sao thích hợp?

Bấy giờ, Thế Tôn khen:

–Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Trong đời có hai hạng người rất là hy hữu như hoa Ưu-đàm: Một là người không tạo tội ác, hai là người có tội mà biết sám hối. Hạng người như vậy rất là hy

hữu. Lại có hai hạng người: Một là làm ân, hai là nhớ ân. Lại có hai hạng người: Một là học hỏi điều mới, hai là ôn lại điều cũ không quên. Lại có hai hạng người: Một là xây dựng cái mới, hai là tu sửa cái cũ. Lại có hai hạng người: Một là thích nghe pháp, hai là thích thuyết pháp. Lại có hai hạng người: Một là khéo gạn hỏi, hai là khéo trả lời. Người khéo gạn hỏi chính là ông, người khéo giải đáp chính là Như Lai vậy.

Này thiện nam! Do sự khéo gạn hỏi mà chuyển được pháp luân vô thượng có thể làm khô cây lớn Mười hai nhân duyên, có thể qua khỏi vô biên sông lớn sinh tử, có thể chiến đấu với Ma vương Ba-tuần, có thể xô ngã cờ thắng do Ba-tuần dựng.

Này thiện nam! Như trước kia Ta đã nói có ba hạng người bệnh, trong đó có người gặp thầy giỏi, thuốc hay, người chăm sóc kỹ và cả không gặp thì bệnh cũng đều được lành, nghĩa đó thế nào? Nếu gặp hay không gặp là do có thọ mạng nhất định. Vì sao? Vì người này trong vô lượng đời đã tu ba thứ thiện thượng, trung, hạ. Do tu ba thứ thiện như vậy nên được thọ mạng nhất định. Như người Uất-đơn-việt, tuổi thọ một ngàn năm, nếu mắc bệnh gặp thầy giỏi, thuốc tốt, người chăm sóc kỹ hay không gặp v.v... đều được lành. Vì sao? Vì họ có tuổi thọ nhất định.

Này thiện nam! Như Ta đã nói, nếu có người bệnh gặp được thầy giỏi, thuốc hay, khéo chăm sóc thì bệnh được lành; nếu không gặp thì không lành, nghĩa này thế nào? Này thiện nam! Đây là người tuổi thọ không nhất định. Hạng người này tuổi thọ tuy chưa dứt, nhưng có chín nhân duyên có thể khiến họ chết yếu: Một là biết ăn vào không an ổn mà cứ ăn, hai là ăn quá nhiều, ba là thức ăn trước chưa tiêu lại ăn nữa, bốn là đại tiểu tiện không đúng lúc, năm là khi bệnh không theo sự chỉ dẫn của thầy thuốc, sáu là không nghe theo lời dặn bảo của người chăm sóc, bảy là cố gượng không chịu ới, tám là đi đêm vì đi đêm sẽ bị ác quỷ đánh, chín là việc phòng the quá độ. Do duyên ấy cho nên Ta nói người bệnh gặp thầy thuốc giỏi, thuốc hay thì bệnh có thể lành, không gặp thì không thể lành. Này thiện nam! Như trước Ta đã nói, người bệnh gặp thầy thuốc hay không gặp đều không được lành, nghĩa này thế nào? Có người tuổi thọ đã hết

thì gặp hay không gặp đều không thể lành. Vì sao? Vì tuổi thọ đã hết. Do nghĩa này cho nên Ta nói, người bệnh hoặc gặp thầy thuốc hay không gặp đều không lành. Chúng sinh cũng vậy, người phát tâm Bồ-đề nếu gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát, học hỏi lãnh thọ pháp sâu xa, hay không gặp tất cả đều sẽ thành. Vì sao? Vì người này có thể phát tâm Bồ-đề, như người Uất-đơn-việt được thọ mạng nhất định. Như Ta đã nói từ quả vị Tu-đà-hoàn đến Phật-bích-chi, nếu được nghe bạn lành, chư Phật, Bồ-tát giảng nói pháp sâu xa thì phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu không gặp chư Phật, Bồ-tát nghe giảng nói pháp sâu xa thì không thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như người thọ mạng không nhất định, vì chín nhân duyên làm họ chết yểu, như người bệnh kia nếu gặp thầy, gặp thuốc thì bệnh được lành. Nếu không gặp thì bệnh không lành. Cho nên Ta nói gặp chư Phật, Bồ-tát, giảng nói pháp sâu xa thì có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu không gặp thì không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như trước Ta nói, nếu gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát, nghe giảng nói pháp sâu xa, hay không gặp đều không thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩa này thế nào? Đây thiện nam! Hạng Nhất-xiển-đề, nếu gặp thiện hữu, chư Phật, Bồ-tát, nghe giảng nói pháp sâu xa hay không gặp đều không thể xa lìa tâm Nhất-xiển-đề. Vì sao? Vì họ đã dứt bỏ pháp thiện. Hàng Nhất-xiển-đề cũng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì nếu có thể phát tâm Bồ-đề thì không còn gọi là Nhất-xiển-đề. Đây thiện nam! Do nhân duyên gì mà nói hạng Nhất-xiển-đề chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Hạng Nhất-xiển-đề thật không thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như người tuổi thọ đã hết dù gặp thầy giỏi, thuốc tốt, chăm sóc kỹ, bệnh cũng không thể lành, Vì sao? Vì tuổi thọ đã hết.

Này thiện nam! “Nhất xiển” là tin, “đề” là chẳng đủ, tin chẳng đủ là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng tin, chúng sinh chẳng phải đủ, bởi chẳng đủ nên làm thế nào có thể diệt trừ. “Nhất xiển” là phương tiện khéo léo, “đề” là chẳng đủ, vì tu phương tiện khéo léo không đầy đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải là tu phương

tiện khéo léo, chúng sinh chẳng phải là đủ, vì chẳng đủ nên làm thế nào có thể dứt trừ. “Nhất xiển” là tấn, “đề” là chẳng đủ, vì tấn chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải tấn, chúng sinh chẳng phải đủ, vì chẳng đủ nên làm thế nào có thể dứt trừ. “Nhất xiển” là niệm, “đề” là chẳng đủ, vì niệm chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải niệm, chúng sinh chẳng phải đủ, vì chẳng đủ nên làm thế nào có thể dứt trừ. “Nhất xiển” gọi là định, “đề” gọi là chẳng đủ, vì định chẳng đủ nên gọi Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải định, chúng sinh chẳng phải đủ, vì chẳng đủ nên làm thế nào có thể dứt trừ. “Nhất xiển” là tuệ, “đề” là chẳng đủ, vì tuệ chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải tuệ, chúng sinh chẳng phải đủ, vì chẳng đủ nên làm thế nào có thể dứt trừ. “Nhất xiển” là thiện vô thường, “đề” là chẳng phải đủ, vì thiện vô thường chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải vô thường, chẳng phải thiện, chẳng phải bất thiện. Vì sao? Pháp thiện cần phải từ phương tiện mà được. Nhưng Phật tánh ấy chẳng phải từ phương tiện được, nên chẳng phải thiện. Vì sao lại gọi là chẳng phải bất thiện? Vì Phật tánh có thể được thiện quả, thiện quả tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại, pháp thiện thì sinh rồi mới được, nên nói chẳng phải thiện, do dứt trừ phát sinh các pháp thiện nên gọi là Nhất-xiển-đề.

Này thiện nam! Như ông đã nói: Nếu Nhất-xiển-đề có Phật tánh thì tại sao không ngăn tội địa ngục? Thiện nam! Trong Nhất-xiển-đề không có Phật tánh. Này thiện nam! Ví như nhà vua nghe tiếng đàn không hầu, âm thanh thánh thót, véo von liền đam mê thích thú, say sưa không muốn xa lìa, liền bảo: “Âm thanh tuyệt diệu này từ đâu mà có?”. Đại thần tâu: “Âm thanh tuyệt diệu này từ cây đàn không hầu phát ra”. Nhà vua lại nói: “Đem âm thanh đến đây”. Bấy giờ đại thần liền đem cây đàn đặt trước vua mà tâu: “Đại vương nên biết đây là âm thanh”. Vua nói “Này không hầu! Hãy phát ra tiếng! Hãy phát ra tiếng!”. Nhưng cây đàn vẫn không phát ra tiếng. Khi ấy, nhà vua liền cắt dây, tiếng cũng không phát ra. Nhà vua rọc da, chẻ cây, tách ra, tìm mãi vẫn không có tiếng. Bấy giờ, vua nổi giận trách đại thần: “Tại sao tâu dối như thế”. Đại thần tâu: “Muốn

cho đàn phát ra tiếng thì không nên làm như vậy mà phải do các duyên dùng phương tiện khéo léo thì tiếng mới phát ra”. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy không có chỗ trụ, dùng phương tiện khéo mới có thể thấy, vì có thể thấy nên chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hạng Nhất-xiển-đề không thấy Phật tánh thì làm thế nào có thể ngăn được tội ba đường ác. Đây thiện nam! Nếu Nhất-xiển-đề tin có Phật tánh thì nên biết người này không bị rơi vào ba đường ác. Đó cũng không gọi là Nhất-xiển-đề. Vì không tự tin có Phật tánh nên liền rơi vào ba đường ác nên gọi là Nhất-xiển-đề.

Này thiện nam! Như lời ông nói, nếu trong sữa không có tánh của sữa đặc thì đáng lẽ không sinh ra sữa đặc, trong hạt Ni-câu-đà không tánh cao năm trượng thì đáng lẽ không mọc lên cây cao năm trượng. Người ngu si mới nói như thế, người trí không bao giờ phát ra lời nói như thế. Vì sao? Vì không có tánh vậy. Đây thiện nam! Nếu trong sữa có tánh của sữa đặc thì không cần nhờ năng lực của các duyên. Đây thiện nam! Như nước và sữa hòa lẫn, chờ đến cả tháng cũng không thành sữa đặc. Nếu dùng một giọt sữa rồi tìm nước cây giọt vào liền thành sữa đặc. Nếu vốn đã có sữa đặc thì sao lại phải nhờ duyên? Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, nhờ các nhân duyên liền có thể thấy, nhờ các nhân duyên nên chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu phải nhờ các nhân duyên sau mới thành tức là vô tánh. Do vô tánh nên có thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát thường tán thán việc lành của người, không trách sự thiếu sót của người khác, gọi là tâm chất trực.

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát có tâm chất trực? Đại Bồ-tát thường không phạm tội ác, giả sử có lầm lỗi thì liền sám hối với thầy, với bạn đồng học, không bao giờ che giấu, hổ thẹn tự trách không dám tái phạm. Đối với tội nhẹ sinh tưởng như tội nặng, nếu có người gạn hỏi liền đáp thật có phạm. Lại hỏi: “Tội này là tốt hay không tốt?”. Đáp: “Không tốt”. Lại hỏi: “Tội này là lành hay không lành?”. Đáp: “Không lành”. Lại hỏi: “Tội này là quả thiện hay quả bất thiện?”. Đáp: “Tội này thật chẳng phải quả thiện”. Lại

hỏi: “Tội này do ai tạo ra? Phải chăng chư Phật, Pháp, Tăng tạo ra?”. Đáp: “Chẳng phải Phật, Pháp, Tăng mà là chính tôi gây tạo, chính là phiền não tích tụ tạo nên”. Do trực tâm nên tin có Phật tánh, vì tin Phật tánh nên không gọi là Nhất-xiển-đề. Do tín tâm nên gọi là đệ tử của Phật. Nếu lãnh thọ y phục, thực phẩm, đồ nằm, thuốc thang của chúng sinh, mỗi thứ ngàn vạn không cho là nhiều thì đó gọi là Bồ-tát có tâm chất trực.

Thế nào là Bồ-tát tu trì giới luật? Đại Bồ-tát thọ trì giới cấm, không cầu sinh lên cõi trời, không vì lo sợ, cho đến không thọ giới chó, giới gà, giới bò, giới chim trĩ, không làm việc phá giới, không làm giới bị khuyết, không làm giới có tỳ vết, không làm giới bị tạp nhiễm, không thực hành giới Thanh văn, thọ trì giới Thi la Ba-la-mật của Đại Bồ-tát, được giới đầy đủ không sinh kiêu mạn. Đó gọi là Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, đầy đủ việc thứ ba là trì giới.

Thế nào là Bồ-tát gần gũi bạn lành? Đại Bồ-tát thường vì chúng sinh thuyết giảng đường thiện, không thuyết giảng đường ác, thuyết giảng đường ác chẳng phải quả báo tốt. Nay thiện nam! Thân Ta đây tức là chân thiện tri thức của tất cả chúng sinh, vì thế nên có thể dứt bỏ tà kiến của Bà-la-môn Phú-già-la. Nay thiện nam! Nếu có chúng sinh gần gũi Ta thì tuy có nhân duyên sinh vào địa ngục cũng liền được sinh lên cõi trời. Như ông Tu-na-sát-đa-la v.v... đáng lẽ đọa vào địa ngục nhưng nhờ gặp được Ta, nên liền được dứt trừ nhân duyên địa ngục mà sinh lên cõi Sắc giới. Tuy có Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v... cũng không gọi là chân thiện tri thức của chúng sinh. Vì sao? Vì các ông ấy là nhân duyên sinh tâm Nhất-xiển-đề.

Nay thiện nam! Ngày trước Ta ở nước Ba-la-nại, Xá-lợi-phất có dạy hai đệ tử: Một người tu quán xương trắng, một người tu quán đếm hơi thở, trải qua nhiều năm tu tập cả hai người đều không được chánh định. Do nhân duyên này nên liền sinh tà kiến nói: “Không có Niết-bàn vô lậu. Giả sử có Niết-bàn vô lậu thì lẽ ra chúng tôi đã chứng được. Vì sao? Vì chúng tôi khéo trì giới và lãnh thọ giới”. Bấy giờ Ta thấy Tỳ-kheo sinh tâm tà kiến, gọi Xá-lợi-phất đến quở trách: “Ông không khéo dạy dỗ sao lại thuyết pháp đảo lộn cho hai đệ tử như vậy? Hai đệ tử của ông căn tánh khác nhau, một người là thợ

giặt y phục, một người là thợ vàng. Đối với đệ tử thợ vàng thì nên dạy pháp đếm hơi thở, thợ giặt y phục nên dạy pháp xương trắng, vì ông dạy lầm nên cả hai sinh tà kiến”. Bấy giờ Ta vì hai người ấy mà tùy cơ thuyết pháp, hai người nghe xong liền chứng quả A-la-hán. Vì thế nên Ta là chân thiện tri thức của tất cả chúng sinh, chẳng phải như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên. Giả sử có chúng sinh kiết sử rất nặng, nếu được gặp Ta, Ta sẽ dùng phương tiện đoạn trừ cho họ. Như em của Ta, ông Nan-đà có dục vọng rất nặng, Ta dùng nhiều phương tiện khéo léo để đoạn trừ. Như ông Ương-quật-ma-la có tâm sân rất nặng, nhờ gặp Ta mà hết sân. Vua A-xà-thế ngu si sâu dày, nhờ gặp Ta nên tâm si liền diệt. Như trưởng giả Bà-hy-già từ vô lượng kiếp tích tập phiền não sâu dày, nhờ gặp gặp Ta nên liền đoạn diệt. Giả sử có kẻ tệ ác, thấp hèn được gần gũi và làm đệ tử Ta thì vì nhân duyên này mà tất cả trời người cung kính mến tưởng. Thi-lợi-cúc-đa tà kiến rất nặng, nhân gặp Ta mà hết tà kiến, nhân gặp Ta đoạn trừ hết nhân địa ngục, tạo duyên sinh lên cõi trời. Như Chiên-đà-la Khí-hư, lúc sắp qua đời nhờ gặp Ta nên lại được sống lâu. Như Kiều-thi-ca tâm điên cuồng rối loạn, nhờ gặp Ta nên trở lại tâm như cũ. Như Sấu-cù-đàm-di là kẻ đồ tể, thường tạo nghiệp ác, nhờ gặp Ta nên liền từ bỏ nghiệp giết hại. Như Tỳ-kheo Xiển-đề, nhờ gặp Ta nên thà bỏ thân mạng chứ không hủy phạm giới cấm, như Tỳ-kheo bị trói bằng dây cỏ tươi. Do những nghĩa trên đây nên Tỳ-kheo Anan nói nửa phần phạm hạnh là thiện tri thức, Ta bảo không đúng mà đầy đủ phạm hạnh mới gọi là thiện tri thức. Đó là Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, đầy đủ điều thứ tư là gần gũi thiện tri thức.

Thế nào là Bồ-tát đầy đủ đa văn? Đại Bồ-tát vì kinh Đại Niết-bàn, Mười hai bộ loại kinh văn mà biên chép, đọc tụng, phân biệt, giảng nói, đó gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Trừ mười một bộ kia, chỉ thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói bộ Tỳ-phật-lược, cũng gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Trừ cả mười hai bộ loại kinh văn, nếu có thể thọ trì, biên chép, đọc tụng, phân biệt, giảng nói kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thì gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Trừ hết toàn thể kinh điển này, nếu có thể thọ trì một bài kệ bốn câu, lại trừ luôn bài kệ bốn câu chỉ có thể thọ trì tánh thường trụ của Như Lai không biến

đổi, thì cũng gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Lại trừ tất cả những việc trên, nếu biết Như Lai thường không thuyết pháp thì cũng gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Vì sao? Vì pháp vốn vô tánh, Như Lai tuy nói tất cả các pháp, nhưng thường không nói điều gì. Đây gọi là Bồ-tát tu tập Đại Niết-bàn thành tựu điều thứ năm là đầy đủ đa văn.

Này thiện nam! Nếu thiện nam, thiện nữ nào vì Đại Niết-bàn mà thành tựu viên mãn năm điều như vậy thì có thể làm được việc khó làm, có thể nhẫn được việc khó nhẫn, bố thí được việc khó bố thí.

Thế nào là Bồ-tát có thể làm được việc khó làm? Nếu nghe có người mỗi ngày ăn một hạt mè mà chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tin theo lời nói này, nên trong vô lượng vô số kiếp, thường ăn một hạt mè. Nếu nghe vào lửa chứng đắc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì ở trong vô lượng kiếp vào lửa dữ địa ngục A-tỳ. Đó gọi là Bồ-tát làm được việc khó làm.

Thế nào là Bồ-tát nhẫn được việc khó nhẫn? Nếu nghe nói chịu đựng những nhân duyên gây đau khổ như: dùng tay, gậy, dao, đá chém, chặt được Đại Niết-bàn. Bồ-tát liền ở trong vô lượng vô số kiếp, thân chịu đủ tất cả những sự khổ ấy mà không cho là khổ. Đó gọi là Bồ-tát nhẫn được việc khó nhẫn.

Thế nào là Bồ-tát bố thí việc khó bố thí? Nếu nghe có thể đem quốc thành, vợ con, đầu, mặt, tủy, não bố thí cho người thì sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, liền ở trong vô lượng vô số kiếp đem những thứ ấy bố thí cho người. Đó gọi là Bồ-tát bố thí được việc khó bố thí. Bồ-tát tuy làm việc khó làm, nhưng không bao giờ nghĩ là ta đã làm, việc khó bố thí khác cũng như vậy

Này thiện nam! Ví như cha mẹ có một đứa con trai, rất thương yêu, cho con mặc đẹp, ăn ngon, tùy thời nuôi dưỡng, không để thiếu hụt. Người con kia, nếu đối với cha mẹ sinh tâm khinh mạn, nói lời thô ác, mắng nhiếc, thì cha mẹ vì thương con nên không giận hờn, cũng không nghĩ là ta đã cho đứa con ăn ngon, mặc đẹp. Đại Bồ-tát cũng như vậy, xem chúng sinh như con một. Nếu con bị bệnh thì cha mẹ cũng bệnh, vì con tìm thầy thuốc chăm lo, chữa trị. Khi con đã

lành mạnh, cha mẹ không bao giờ nghĩ là ta đã vì đứa con này mà lo chạy chữa bệnh khổ. Bồ-tát cũng như vậy, thấy chúng sinh mắc bệnh phiền não sinh lòng thương yêu đem chánh pháp thuyết giảng cho họ, nhờ nghe chánh pháp mà chúng sinh dứt trừ được phiền não. Chúng sinh đã dứt trừ phiền não rồi, Bồ-tát không bao giờ nghĩ là ta làm cho chúng sinh dứt trừ phiền não. Nếu có ý nghĩ ấy thì hoàn toàn không chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát chỉ nghĩ: “Không có một chúng sinh nào được nghe ta thuyết pháp mà dứt trừ phiền não”. Đại Bồ-tát đối với chúng sinh không sinh sân, không sinh mừng vui. Vì sao? Vì Bồ-tát tu tập Tam-muội không. Nếu Bồ-tát tu Tam-muội không thì sẽ giận ai, vui mừng ai? Đây thiện nam! Ví như núi rừng bị lửa lớn thiêu đốt hoặc bị người chặt phá hoặc bị nước ngập, thì rừng cây kia sinh sân giận hay vui mừng với ai? Đại Bồ-tát cũng như vậy, đối với chúng sinh không sân giận, không mừng vui. Vì sao? Vì đã khéo tu tập pháp Tam-muội không.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tánh của tất cả các pháp tự nó không chẳng? Vì không là rỗng không cho nên không. Nếu tánh nó tự không thì không nên tu không, sau đó mới thấy không. Vậy tại sao Như Lai nói do tu không mà thấy được không? Nếu tánh nó tự chẳng không cũng không thể khiến nó thành không.

Này thiện nam! Tánh của tất cả các pháp vốn tự không. Vì sao? Vì tánh của tất cả các pháp chẳng thể nắm bắt được. Đây thiện nam! Tánh của sắc chẳng thể nắm bắt được. Thế nào là tánh của sắc? Tánh của sắc là chẳng phải đất, nước, gió, lửa, cũng không xa lìa đất, nước, gió, lửa, chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng; cũng không xa lìa xanh, vàng, đỏ, trắng; chẳng phải có, chẳng phải không, thì sao có thể nói sắc có tự tánh, vì tánh chẳng thể nắm bắt được nên nói là không. Tất cả các pháp cũng như vậy, do tương tự, tương tục nên phạm phu theo kiến chấp của mình mà nói rằng các pháp tánh chẳng rỗng lặng. Đại Bồ-tát đầy đủ năm việc cho nên thấy pháp tánh vốn rỗng lặng. Đây thiện nam! Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn thấy tất cả pháp tánh chẳng rỗng không thì nên biết người đó chẳng

phải là Sa-môn, chẳng phải là Bà-la-môn, không được tu tập Bát-nhã Ba-la-mật, không được nhập Đại Niết-bàn, hiện tại không được thấy chư Phật, Bồ-tát. Người đó là quyến thuộc của ma. Đây thiện nam! Tất cả các pháp, tánh vốn tự không, cũng do Bồ-tát tu tập pháp không nên thấy các pháp là không.

Này thiện nam! Như tất cả các pháp vì tánh vô thường nên khi diệt thì có thể diệt. Nếu chẳng phải là vô thường thì khi diệt không thể diệt. Pháp hữu vi có tướng sinh nên khi sinh có thể sinh, có tướng diệt nên khi diệt có thể diệt. Các pháp có tướng khổ nên có thể làm cho khổ. Đây thiện nam! Như tánh muối là mặn, có thể làm mặn vật khác. Tánh đường là ngọt nên có thể làm ngọt vật khác. Tánh giấm là chua nên có thể làm chua vật khác. Tánh gừng là cay nên có thể làm cay vật khác. Tánh A-lê-lắc là đắng nên có thể làm đắng vật khác. Trái Am-la là lạt nên có thể làm lạt vật khác. Tánh độc có thể làm hại nên có thể khiến vật khác bị hại. Tánh cam lồ khiến cho người bất tử, nên đem hợp với vật khác cũng có thể thành bất tử. Bồ-tát tu pháp không cũng như vậy, vì tu không cho nên thấy tánh của tất cả đều rỗng lặng.

Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như muối có thể làm cho vật không mặn thành mặn, tu Tam-muội không cũng như vậy thì nên biết không ấy chẳng phải lành, chẳng phải diệu, tánh nó điên đảo. Nếu Tam-muội không chỉ thấy không thì định không ấy là không có pháp, vậy thấy cái gì?

–Này thiện nam! Tam-muội không ấy thấy các pháp chẳng không mà có thể làm cho rỗng lặng, nhưng chẳng phải điên đảo, như muối làm vật không mặn thành mặn. Tam-muội không ấy cũng như vậy, pháp chẳng không làm thành không. Đây thiện nam! Tham là tánh có chẳng phải tánh không. Nếu tham là tánh không thì đáng lẽ chúng sinh không vì nhân duyên đó mà đọa vào địa ngục. Nếu đọa vào địa ngục thì sao tánh tham là không được? Đây thiện nam! Tánh sắc là có. Những gì là tánh sắc? Chính là điên đảo. Vì điên đảo nên chúng sinh sinh tham đắm. Nếu tánh sắc chẳng phải điên đảo thì sao

có thể khiến chúng sinh sinh tham đắm, vì sinh tham đắm cho nên biết tánh sắc chẳng phải không có. Do nghĩa này cho nên tu Tam-muội không chẳng phải là điên đảo. Nay thiện nam! Tất cả phàm phu nếu thấy người nữ liền sinh tướng nữ. Bồ-tát không như vậy, tuy thấy người nữ nhưng không sinh tướng nữ, vì không sinh tướng nữ nên không sinh tham, không sinh tham nên chẳng điên đảo. Vì người đời thấy có tướng nữ nên Bồ-tát tùy thuận nói có người nữ. Nếu lúc thấy người nam mà nói người nữ thì là điên đảo, cho nên Ta bảo Xà-đề: “Này Bà-la-môn! Nếu người cho ngày là đêm tức là điên đảo, cho đêm là ngày cũng là điên đảo, ngày là tướng ngày, đêm là tướng đêm thì đâu còn điên đảo”.

Nay thiện nam! Tất cả Bồ-tát trụ ở bậc cứu địa thấy pháp có tánh, do đó nên không thấy Phật tánh. Nếu thấy Phật tánh thì không còn thấy tánh của tất cả các pháp. Do tu tập Tam-muội không như thế nên không thấy pháp tánh, vì không thấy pháp tánh cho nên thấy Phật tánh. Chư Phật, Bồ-tát có hai thuyết: Một là có tánh, hai là không tánh. Vì chúng sinh cho nên nói có pháp tánh, vì các bậc Hiền Thánh nên nói không pháp tánh. Vì người bất không thấy được pháp không cho nên tu Tam muôi không khiến thấy được không. Người không thấy pháp tánh cũng tu Tam-muội không nên thấy được không. Do nghĩa này nên tu không thì thấy được không. Nay thiện nam! Ông nói thấy không, mà không đó là không có pháp thì thấy gì? Nay thiện nam! Đúng thế! Đúng thế! Đại Bồ-tát thật không thấy gì, không thấy gì tức là không có gì, không có gì tức là tất cả các pháp. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, đối với tất cả các pháp đều không thấy gì; nếu có thấy thì không thấy Phật tánh, không thể tu tập Bát-nhã Ba-la-mật, không được vào Đại Niết-bàn. Vì thế nên Bồ-tát thấy tánh của tất cả các pháp không có gì. Nay thiện nam! Bồ-tát không những do thấy Tam-muội mà thấy không, mà còn Bát nhã Ba-la-mật cũng không, Thiền Ba-la-mật cũng không, Tinh tấn Ba-la-mật cũng không, Nhẫn Ba-la-mật cũng không, Giới Ba-la-mật cũng không, Thí Ba-la-mật cũng không, sắc cũng không, nhãn cũng không, thức cũng không, Như Lai cũng không, Đại Bát Niết Bàn cũng không. Cho nên Bồ-tát thấy tất cả các pháp đều là không. Cho

nên lúc ở thành Ca-tỳ-la, Ta bảo A-nan: “Ông chớ ưu sầu khóc lóc”. A-nan liền thưa: “Bạch Thế Tôn! Nay quyến thuộc của con đều bị giết chết, sao con không ưu sầu khóc thương được, Như Lai cùng con đều sinh trưởng ở thành này, đồng là thân thích, quyến thuộc của dòng họ Thích, tại sao chỉ riêng Như Lai là không sầu não, dung nhan lại tươi sáng?”. Nay thiện nam! Ta lại bảo: “A-nan ông thấy thành Ca-tỳ-la là có thật, còn Ta thì thấy rỗng lặng, không sở hữu. Ông thấy dòng Thích là thân thích, còn Ta vì tu không nên không thấy. Vì nhân duyên này nên ông sinh sầu khổ, còn dung nhan Ta lại tươi sáng. Chư Phật, Bồ-tát tu tập Tam-muội không như vậy cho nên không sinh ưu sầu. Đó gọi là Bồ-tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, thành tựu đầy đủ công đức thứ chín”.

Nay thiện nam! Thế nào là Bồ-tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn để thành tựu đầy đủ công đức thứ mười sau cùng? Nay thiện nam! Bồ-tát khéo tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo vào Đại Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh, vì các chúng sinh phân biệt giảng nói kinh Đại Niết-bàn, hiển bày Phật tánh. Nếu Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi, Bồ-tát tin lời trên đây thì đều được vào Đại Niết-bàn, nếu không tin thì luân hồi sinh tử.

Bấy giờ, Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những chúng sinh nào đối với kinh này không sinh tâm cung kính?

–Nay thiện nam! Sau khi Ta nhập Niết-bàn có hàng đệ tử Thanh văn ngu si, phá giới, ưa tranh cãi, bỏ Mười hai bộ loại kinh văn, đọc tụng các thứ sách vở, tụng văn thủ bút của ngoại đạo, nhận chứa tất cả vật bất tịnh, nói là Phật cho phép. Những người này đem gỗ tốt chiên-đàn đổi lấy gỗ tạp, đem vàng đổi lấy đồng, đem bạc đổi lấy chì, đem lụa đổi lấy vải thô, đem cam lồ đổi chất độc. Thế nào là chiên-đàn đổi lấy gỗ tạp? Như đệ tử Ta vì sự cúng dường nên thuyết giảng kinh pháp cho hàng Bạch y. Bạch y phóng túng không thích nghe pháp; Bạch y ngồi chỗ cao, Tỳ-kheo ngồi chỗ thấp, cho đến đem những thức ăn uống ngon để cung cấp họ, họ vẫn không bằng

lòng nghe. Đó gọi là đem chiêm-đàn đổi lấy gỗ tạp. Thế nào là đem vàng đổi lấy đồng? Đồng dụ cho sắc, thanh, hương, vị, xúc. Vàng dụ cho giới. Đệ tử của Ta vì sắc mà phá giới đã thọ. Đó gọi là đem vàng đổi lấy đồng. Thế nào là đem bạc đổi lấy chì? Bạc dụ cho mười điều lành, chì dụ cho mười điều ác. Đệ tử của Ta bỏ mười điều lành làm mười điều ác. Đó gọi là đem bạc đổi lấy chì. Thế nào là đem lụa đổi lấy vải thô? Vải thô dụ cho không hổ, không thẹn, lụa dụ cho hổ thẹn. Đệ tử của Ta xả bỏ hổ thẹn quen tập tánh không hổ thẹn. Đó gọi là đem lụa đổi lấy vải thô. Thế nào là đem cam lồ đổi lấy thuốc độc? Thuốc độc dụ cho các thứ lợi dưỡng, cam lồ dụ cho phép vô lậu. Đệ tử của Ta vì lợi dưỡng nên tự khen ngợi với Bạch y rằng Ta chứng pháp vô lậu. Đó là đem cam lồ đổi lấy thuốc độc. Do các Tỳ-kheo ác như vậy, nên khi kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn lưu hành khắp cõi Diêm-phù-đề, bấy giờ sẽ có các đệ tử thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói rộng rãi thì sẽ bị các Tỳ-kheo xấu ác giết hại. Bấy giờ, các Tỳ-kheo xấu ác cùng hội họp lập quy chế nghiêm ngặt: Nếu có người nào thọ trì, biên chép, đọc tụng, phân biệt giảng nói kinh Đại Niết-bàn thì không được cùng ở, cùng ngồi, cùng bàn luận, chuyện trò. Vì sao? Vì kinh Đại Niết-bàn chẳng phải Phật thuyết mà là do tà kiến tạo ra. Người tà kiến tức là Lục sư ngoại đạo, kinh điển của Lục sư chẳng phải là kinh điển của Phật. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều thuyết giảng các pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Nếu nói các pháp là thường, lạc, ngã, tịnh thì đâu phải là kinh do Phật thuyết. Chư Phật, Bồ-tát cho các Tỳ-kheo cất giữ đủ loại đồ vật. Lục sư ngoại đạo không cho đệ tử cất giữ tất cả các vật. Nghĩa như vậy thì đâu phải là lời giảng nói của Phật. Chư Phật, Bồ-tát không cấm đệ tử dứt trừ năm vị sữa bò và ăn thịt. Lục sư ngoại đạo không cho ăn năm thứ muối, năm thứ vị sữa bò và huyết mỡ. Nếu dứt bỏ những thứ ấy thì đâu phải là kinh điển chính của Phật. Chư Phật, Bồ-tát thuyết giảng ba thừa mà kinh này chuyên nói nhất thừa, nghĩa là Đại Niết-bàn, nói như vậy thì đâu phải là kinh điển chính của Phật. Chư Phật hoàn toàn nhập Niết-bàn, kinh này nói Phật là thường, lạc, ngã, tịnh, không nhập Niết-bàn. Kinh này không ở trong số mười hai bộ, tức là ma thuyết chẳng phải Phật

thuyết. Nay thiện nam! Người như vậy tuy là đệ tử Ta mà chẳng tin thuận kinh Đại Niết-bàn. Nay thiện nam! Trong thời kỳ ấy, nếu có chúng sinh tin kinh điển này cho đến nửa câu thì nên biết, người ấy thật là đệ tử của Ta. Do tin như thế liền thấy Phật tánh nhập vào Niết-bàn.

Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương lại bạch Phật:

–Lành thay! Lành thay! Bạch Thế Tôn! Hôm nay Đức Như Lai khéo khai thị kinh Đại Niết-bàn. Bạch Thế Tôn! Con nhân việc này mà được hiểu rõ nửa câu, một câu của kinh Đại Niết-bàn. Do hiểu nửa câu đến một câu nên thấy một chút Phật tánh, cứ như lời Đức Phật dạy, con sẽ vào được Đại Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-tát tu tập kinh vi diệu Đại Niết-bàn, thành tựu đầy đủ công đức thứ mười.

